

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ  
HOÀNG GIA**

**Báo cáo tài chính  
Quý IV năm 2012**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05-06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-16

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>114,035,576,885</b>	<b>113,947,517,519</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>78,085,493,670</b>	<b>79,343,840,647</b>
1. Tiền	111		78,085,493,670	79,343,840,647
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>91,054,400</b>	<b>348,532,900</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		222,469,251	530,609,977
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(131,414,851)	(182,077,077)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34,114,921,908</b>	<b>32,806,482,885</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		701,250,000	-
2. Trả trước cho người bán	132		875,200,000	1,127,140,000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	43,538,471,908	42,679,342,885
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(11,000,000,000)	(11,000,000,000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,744,106,907</b>	<b>1,448,661,087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		380,762,607	11,050,226
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	1,339,633,798	1,398,832,030
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,000,000	7,000,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35,340,037,622</b>	<b>32,960,578,227</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>8</b>	<b>1,550,116,776</b>	<b>2,039,326,427</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1,076,132,524	1,533,356,895
- Nguyên giá	222		6,041,783,343	6,039,586,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,965,650,819)	(4,506,230,048)
3. Tài sản cố định vô hình	227		473,984,252	505,969,532
- Nguyên giá	228		1,895,149,470	1,655,149,470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,421,165,218)	(1,149,179,938)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>28,532,439,600</b>	<b>3,147,689,200</b>
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		280,569,496	280,569,496
4. Đầu tư dài hạn khác	258		28,350,000,000	3,000,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(98,129,896)	(132,880,296)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5,257,481,246</b>	<b>27,773,562,600</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	616,642,386	226,707,010
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	4,375,786,540	3,927,443,090
4. Tài sản dài hạn khác	268	12	265,052,320	23,619,412,500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>149,375,614,507</b>	<b>146,908,095,746</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết t minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13,032,817,723</b>	<b>10,627,419,628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13,032,817,723</b>	<b>10,627,419,628</b>
2. Phải trả người bán	312		-	5.225.000
3. Người mua trả tiền trước	313		106.550.000	226.800.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	20.143.101	16.995.536
6. Chi phí phải trả	316	14	250.294.175	722.156.149
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	12.655.830.447	9.656.152.943
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	90.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>136,342,796,784</b>	<b>136,280,676,118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>136,342,796,784</b>	<b>136,280,676,118</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	135.000.000.000	135.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.057.796.784	6.995.676.118
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>149,375,614,507</b>	<b>146,908,095,746</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>		<b>213,138,590,000</b>	<b>196,675,300,000</b>
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		179,694,290,000	179,187,600,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		308,200,000	268,030,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		179,386,090,000	178,896,570,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		-	23,000,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		12,900,000,000	13,900,000,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	200,000,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		12,900,000,000	13,700,000,000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		20,544,300,000	3,587,700,000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		20,544,300,000	3,587,700,000
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>		<b>40,504,670,000</b>	<b>26,902,430,000</b>
7.1. Chứng khoán giao dịch	051		39,415,700,000	23,094,540,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		39,415,700,000	23,094,540,000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		1,088,970,000	2,507,890,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		1,088,970,000	2,507,890,000
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	1,300,000,000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		-	1,300,000,000

Người lập



Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Q. Tổng Giám đốc



Trần Hữu Chung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý IV năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm nay		Quý IV năm trước		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>2,295,908,693</b>	<b>2,457,287,484</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		469,867,443	801,972,018	2,779,125,433	6,500,864,921	2,779,125,433	6,500,864,921	2,779,125,433	6,500,864,921
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn 01.2			5,500,000	20,666	129,963,269	33,727,766	129,963,269	33,727,766	129,963,269	33,727,766
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		705,681,818	-	1,092,954,544	549,090,908	1,092,954,544	549,090,908	1,092,954,544	549,090,908
Doanh thu khác	01.9		1,114,859,432	1,655,294,800	5,732,037,527	9,439,323,245	5,732,037,527	9,439,323,245	5,732,037,527	9,439,323,245
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>2,295,908,693</b>	<b>2,457,287,484</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>	<b>9,734,080,773</b>	<b>16,523,006,840</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>18</b>	<b>1,102,303,735</b>	<b>1,121,953,394</b>	<b>5,481,433,867</b>	<b>10,438,680,716</b>	<b>5,481,433,867</b>	<b>10,438,680,716</b>	<b>5,481,433,867</b>	<b>10,438,680,716</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1,193,604,958</b>	<b>1,335,334,090</b>	<b>4,252,646,906</b>	<b>6,084,326,124</b>	<b>4,252,646,906</b>	<b>6,084,326,124</b>	<b>4,252,646,906</b>	<b>6,084,326,124</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>19</b>	<b>1,078,828,487</b>	<b>12,182,056,137</b>	<b>3,833,554,158</b>	<b>16,154,877,875</b>	<b>3,833,554,158</b>	<b>16,154,877,875</b>	<b>3,833,554,158</b>	<b>16,154,877,875</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>114,776,471</b>	<b>(10,846,722,047)</b>	<b>419,092,748</b>	<b>(10,070,551,751)</b>	<b>419,092,748</b>	<b>(10,070,551,751)</b>	<b>419,092,748</b>	<b>(10,070,551,751)</b>
8. Thu nhập khác	31		-	-	8,386,573	87,671,351	-	87,671,351	8,386,573	87,671,351
9. Chi phí khác	32		300,000,000	-	306,160,423	302,500,000	-	306,160,423	306,160,423	302,500,000
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(300,000,000)</b>	<b>-</b>	<b>(297,773,850)</b>	<b>(214,828,649)</b>	<b>(297,773,850)</b>	<b>(214,828,649)</b>	<b>(297,773,850)</b>	<b>(214,828,649)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(185,223,529)</b>	<b>(10,846,722,047)</b>	<b>121,318,898</b>	<b>(10,285,380,400)</b>	<b>121,318,898</b>	<b>(10,285,380,400)</b>	<b>121,318,898</b>	<b>(10,285,380,400)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
 Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân  
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
 Quý IV năm 2012

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	20	-	38,314,322	59,198,232	170,222,959
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(185,223,529)	(10,885,036,369)	62,120,666	(10,455,603,359)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(18.4)	(0.6)	4.7	(774.5)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Người lập

*Nguyễn Thị Khanh*

Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính

*Ngô Hà Chi*

Ngô Hà Chi

Q. Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý IV năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		121,318,898	(10,285,380,400)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		801.443.591	782.264.907
Các khoản dự phòng	03		(85.412.626)	10.831.834.493
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.397.432.097)	(9.383.043.031)
Chi phí lãi vay	06			16.500.000
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4,560,082,234)	(8,037,824,031)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.293.370.694)	53.993.428.943
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10		308.140.726	324.877.703
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.405.398.095	(63.306.516.225)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(759.647.757)	299.045.857
Tiền lãi vay đã trả	13			(16.500.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(110.730.196)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		23.619.412.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(713.395.770)	(1.463.894.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	20		19,006,454,866	(18,318,112,691)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(314.649.000)	(73.148.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.415.060	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(25.350.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.488.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.397.432.097	9.383.043.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,264,801,843)	10,797,894,981
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(5.715.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			9.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(9.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(5,715,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,258,346,977)	(13,235,217,710)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		79,343,840,647	92,579,058,357
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	78,085,493,670	79,343,840,647

Người lập

  
 Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính

  
 Ngô Hà Chi

Lập, ngày 16 Tháng 11 năm 2012



Q. Tổng Giám đốc  
  
 Trần Hữu Chung



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPDC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh số 116/GPDC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị văn phòng	04-07
- Phần mềm quản lý, kế toán	02-07

### Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp dịch danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

### Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối quý là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2012.

### Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

Việc tính và phân bổ chi phí tra trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí tra trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG QUÝ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong quý IV năm 2012	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong quý IV năm 2012
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>16.000</b>	<b>337,788,000</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	16.000	337.788.000
<b>Của người đầu tư</b>	<b>31,945,026</b>	<b>22,264,115,300</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	31.945.026	22.264.115.300
	<b>31,961,026</b>	<b>22,601,903,300</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.660.598.614	9.980.601.412
Tiền gửi ngân hàng	56.775.509.769	59.678.735.692
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	12.649.385.287	9.684.503.543
	<b>78,085,493,670</b>	<b>79,343,840,647</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>222,469,251</b>	<b>530,609,977</b>
- Chứng khoán niêm yết	222.469.251	530.609.977
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(131,414,851)</b>	<b>(182,077,077)</b>
- Chứng khoán niêm yết (*)	(131.414.851)	(182.077.077)
	<b>91,054,400</b>	<b>348,532,900</b>

(\*) Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết đầu tư ngắn hạn:

Cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
HPC	20,893,000	(14,824,400)	6,068,600
SHN	29,700,000	(27,918,000)	1,782,000
VCG	111,550,000	(83,644,500)	27,905,500
DIG	2,535,000	(1,895,000)	640,000
Cổ phiếu khác	6,891,251	(3,132,951)	3,758,300
<b>Tổng cộng</b>	<b>171,569,251</b>	<b>(131,414,851)</b>	<b>40,154,400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu phí giao dịch nhà đầu tư	27.126.580	5.745.600
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	40.505.000.000	40.605.000.000
Phải thu lãi hợp tác kinh doanh	5.367.600	8.207.711
Phải thu NĐT ứng trước tiền bán CK	3.000.977.728	2.060.389.574
	<b>43.538.471.908</b>	<b>42.679.342.885</b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.339.633.798	1.398.832.030
	<b>1.339,633,798</b>	<b>1,398,832,030</b>

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCD vô hình (Phần mềm GD, KT)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	4,415,852,943	1,623,734,000	1,655,149,470	7,694,736,413
Số tăng trong kỳ	74,649,000	-	240,000,000	314,649,000
- Mua sắm mới	74,649,000	-	240,000,000	314,649,000
Số giảm trong kỳ	(72,452,600)	-	-	(72,452,600)
- Giảm khác (phân loại lại)	(72,452,600)	-	-	(72,452,600)
Số dư cuối kỳ	4,418,049,343	1,623,734,000	1,895,149,470	7,936,932,813
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	3,922,815,090	583,414,958	1,149,179,938	5,655,409,986
Số tăng trong kỳ	258,835,967	270,622,344	271,985,280	801,443,591
- Trích khấu hao	258,835,967	270,622,344	271,985,280	801,443,591
Số giảm trong kỳ	(70,037,540)	-	-	(70,037,540)
- Giảm khác (phân loại lại)	(70,037,540)	-	-	(70,037,540)
Số dư cuối kỳ	4,111,613,517	854,037,302	1,421,165,218	6,386,816,037
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Đầu năm	493,037,853	1,040,319,042	505,969,532	2,039,326,427
Cuối kỳ	306,435,826	769,696,698	473,984,252	1,550,116,776

**Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị**

Vốn điều lệ tính đến ngày	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
Số cuối kỳ			
135.000.000.000	Nguyên giá	7.936.932.813	0,06
	Khấu hao	(6.386.816.037)	
	Giá trị còn lại	1.550.116.776	0,01



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	<b>280,569,496</b>	<b>280,569,496</b>
- Chứng khoán niêm yết	280,569,496	280,569,496
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>28,350,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>
- Góp vốn vào Công ty CP Công Nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3,000,000,000	3,000,000,000
- Góp vốn vào DA xử lý nước thải Từ Sơn với Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Phú Điền	25,350,000,000	-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>(98,129,896)</b>	<b>(132,880,296)</b>
	<b>28,532,439,600</b>	<b>3,147,689,200</b>

(\*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn:

Cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
MMC	280,569,496	(98,129,896)	182,439,600
<b>Tổng cộng</b>	<b>280,569,496</b>	<b>(98,129,896)</b>	<b>182,439,600</b>

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	559,688,885	102,542,485
Chi phí trả trước dài hạn khác	56,953,501	124,164,525
	<b>616,642,386</b>	<b>226,707,010</b>

**11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,765,362,888	3,662,353,265
Tiền lãi phân bổ trong năm	490,423,652	145,089,825
	<b>4,375,786,540</b>	<b>3,927,443,090</b>

**12 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng 30 Nguyễn Du, Hà Nội	265,052,320	182,475,000
Tiền đặt cọc thuê văn phòng 83A Lý Thường Kiệt, Hà Nội	-	23,436,937,500
	<b>265,052,320</b>	<b>23,619,412,500</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	20.143.101	16.995.536
	<b>20.143.101</b>	<b>16.995.536</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện	-	60.000.000
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	159.652.371	600.000.000
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	90.641.804	18.156.149
Chi phí phải trả khác	-	44.000.000
	<b>250.294.175</b>	<b>722.156.149</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.160.565	8.493.790
Phải trả về giao dịch chứng khoán của NĐT	12.643.669.882	9.647.659.153
	<b>12.655.830.447</b>	<b>9.656.152.943</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	317.500	317.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>317.500</i>	<i>317.500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.182.500	13.182.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.182.500</i>	<i>13.182.500</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>2,295,908,693</b>	<b>2,457,287,484</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	469,867,443	801,972,018
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5,500,000	20,666
- Doanh thu hoạt động tư vấn	705,681,818	-
- Doanh thu khác	1,114,859,432	1,655,294,800
	<b>2,295,908,693</b>	<b>2,457,287,484</b>

**18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	183,878,289	387,940,055
Chi phí hoạt động tư vấn	4,363,981	13,716,364
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	52,452,561	70,209,102
Chi phí dự phòng	(13,364,600)	101,141,400
Chi phí khác	66,505,010	(1,134,891,009)
Chi phí trực tiếp chung	808,468,494	1,683,837,482
- <i>Chi phí nhân viên</i>	<i>366,136,726</i>	<i>738,249,694</i>
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	<i>30,453,010</i>	<i>93,784,240</i>
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>71,810,546</i>	<i>83,102,619</i>
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>340,068,212</i>	<i>768,700,929</i>
	<b>1,102,303,735</b>	<b>1,121,953,394</b>

**19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	549,730,800	707,948,830
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	31,562,083	34,956,448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114,010,435	115,217,898
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	11,000,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175,390,987	310,605,135
Chi phí bằng tiền khác	208,134,182	13,327,826
	<b>1,078,828,487</b>	<b>12,182,056,137</b>

**20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(185,223,529)	(10,846,722,047)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác	(5,500,000)	10,999,979,334
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		<i>11,000,000,000</i>
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm (cơ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>(5,500,000)</i>	<i>(20,666)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	(190,723,529)	153,257,287
Thu nhập tính thuế	(190,723,529)	153,257,287
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	38,314,322
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>38,314,322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(185.223.529)	(10.885.036.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(185.223.529)	(10.885.036.369)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.182.500	13.182.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(14.1)</b>	<b>(825.7)</b>

Người lập



Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Q. Tổng Giám đốc


  
Trần Hữu Chung